

# Một Số Sự Khác Biệt Giữa



# Tiếng Bắc và Tiếng Nam

## *Đào Văn Bình*

Tôi năm nay đã 79 tuổi, gần đất xa trời, không biết còn sống tới ngày mai không cho nên rất quý trọng thời gian. Những giờ phút quý báu còn lại tôi tập trung vào lãnh vực văn hóa, văn chương và Phật Giáo để cống hiến cho đời những gì mình thấy có ý nghĩa.

Định mệnh của dân tộc Việt Nam là định mệnh chia cắt. Một trăm năm Trịnh-Nguyễn phân tranh chẻ đôi đất nước với Đàng Trong và Đàng Ngoài. Rồi 87 năm dưới thời thực dân Pháp đất nước bị chia ba cho nên ba miền lại có nhiều nhiều điều không hiểu nhau. Rồi từ 1954-1975 đất nước lại bị chia đôi cho nên sự khác biệt về nhiều mặt lại gia tăng hơn nữa.

Sau 1975 người Miền Bắc tràn vào Miền Nam rất đông và có rất nhiều điều không hiểu Miền Nam vì ngôn ngữ bất đồng. Sự tìm một số danh từ khác biệt giữa hai miền giúp chúng ta hiểu nhau. Sự thống nhất về ngôn ngữ là điều vô cùng cần thiết cho một dân tộc. Ngôn ngữ sẽ trở nên chính thống khi nó được phổ biến rộng rãi, được mọi người chấp thuận và được giảng dạy ở học đường. Sự đa dạng về ngôn ngữ là điều rất tốt chứ không phải là điều xấu, miễn là sự “đa dạng” đó người ta hiểu và chấp nhận. Văn học của dân tộc ta từ ngàn xưa viết là “vũ” và “chính”. Thế nhưng khi các chúa Nguyễn lập nghiệp ở phương nam nó biến thành “võ” và “chánh” như “võ khí”, “Việt Võ Đạo”, “học võ”, “hành chánh”, “chánh đạo” và phổ biến gần 500 năm rồi. Do đó không thể nói “vũ” và “chính” là đúng

và “võ” và “chánh” là sai. Và cũng không thể nói “võ”, “chánh” đúng còn “vũ” và “chính” là sai. Hai từ ngữ này sẽ cùng tồn tại và đó là sự đa dạng của ngôn ngữ.

Bản sưu tầm dưới đây chắc chắn còn nhiều thiếu sót mong quý vị nào cảm thấy thích thú xin đóng góp thêm để có một bản hoàn chỉnh cho gia tài ngôn ngữ Việt Nam. Đa tạ.

### **Bắc**

A dua

Ám quẻ

Ăn bám

Ăn mày

Ăn mày đòi xôi gấc

Ăn theo, ăn ké

Anh cả

Anh rể, em rể

Áo cánh

Áo may-ô

Áo quan

Ba ba

Bà La Sát

Bách (100)

Bạn, nhân tình

Bản (bản sự)

Bàng quang

Bánh đa

Bánh ga-tô

Bánh rán

Bánh tây

Bát

Bát phở

### **Nam**

Hùa theo

Kỳ đà cắn mũi

Báo cô

Ăn xin

Nghèo mà ham

Ăn có

Anh hai

Dượng

Áo bà ba

Áo thun ba lỗ, áo thun

Hòm

Cua đình

Bà chằn

Bá (bá tánh= trăm họ)

Bồ

Bồn (bồn sự)

Bọng đái

Bánh tráng

Bánh bông lan

Bánh cam

Bánh mì

Chén

Dạo phở

|                               |                          |
|-------------------------------|--------------------------|
| Bé tẻo teo                    | Bé xíu                   |
| Bệnh lòi dom                  | Bệnh trĩ                 |
| Béo                           | Mập                      |
| Bèo Nhật Bản                  | Lục bình                 |
| Bệnh thổ tả                   | Dịch tả                  |
| Bí tất                        | Vớ                       |
| Bố mẹ, cậu mợ                 | Ba má                    |
| Bố mẹ                         | Ông già, bà già          |
| Bộ đồ ưng ý nhất              | Bộ đồ vía                |
| Bóng                          | Banh (trái)              |
| Bùn xỉn                       | Kẹo                      |
| Buồn ơi là buồn               | Buồn năm phút            |
| Buồn chết đi được             | Rầu thúi ruột            |
| Ca-nô                         | Xuồng máy                |
| Cá cược                       | Cá độ                    |
| Cá quả                        | Cá lóc                   |
| Cân                           | Kí-lô                    |
| Càu nhàu, cằn nhằn            | Càm ràm                  |
| Cầu lông                      | Vũ cầu (vũ là lông chim) |
| Cây cảnh                      | Cây kiểng                |
| Chán phèo                     | Vô duyên                 |
| Chăn                          | Mền                      |
| Chính (hành chính)            | Chánh (hành chánh)       |
| Chè                           | Trà                      |
| Chè tàu                       | Trà tàu                  |
| Chim gái, chim chuột, tán gái | O mèo                    |
| Chơi hội                      | Chơi hụi                 |
| Chối xể                       | Chối chà                 |

|                           |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| Chu (Phan Chu Trinh)      | Châu (Phan Châu Trinh)   |
| Chum, vại                 | Lu, khạp                 |
| Chuột sa chĩnh gạo        | Chuột sa hũ nếp          |
| Chuyện nhảm               | Ba lơn                   |
| Chuyện gẫu                | Tán dóc                  |
| Cổ bàn                    | Tiệc tùng                |
| Cốc rượu                  | Ly rượu                  |
| Cơm rang                  | Cơm chiên                |
| Cua gái                   | O mèo                    |
| Cười lộn ruột             | Cười bể bụng             |
| Cười tùm tùm              | Cười mĩm chi             |
| Cương (Kinh Kim Cương)    | Cang (Kinh Kim Cang)     |
| Dạ dày                    | Bao tử                   |
| Dọc mừng                  | Bạc hà                   |
| Du côn                    | Du đãng                  |
| Du thủ du thực            | Đá cá lặn dưa            |
| Dưa chuột                 | Dưa leo                  |
| Đái (Đái công chuộc tội)  | Đói (Đói công chuộc tội) |
| Đâm                       | Lụi                      |
| Đàn độn                   | Lù đù, cù lằn            |
| Đánh                      | Uýnh                     |
| Đánh chén                 | Nhậu                     |
| Đậu phụ                   | Tàu hũ                   |
| Đất đỏ                    | Mắc mỏ                   |
| Đẹp, tốt, giỏi, chiến, cừ | Ngon lành, bảnh          |
| Đi chân chữ bát           | Đi hàng hai              |
| Đi chuyến tàu suốt        | Hết đường tương chao     |
| Đĩa                       | Dĩa                      |

|                            |   |
|----------------------------|---|
| Đỗ (hạt)                   | Đậu                                     |
| Đồ đồng nát                | Đồ lạc xoong                            |
| Đòn hội chợ                | Bề hội đồng                             |
| Đồng xu                    | Bạc cắc                                 |
| Đũa xe đạp                 | Cắm                                     |
| Đứng dạng chân             | Chàng hăng                              |
| Được                       | Đặng (Thà mất lòng anh đặng bụng chồng) |
| E thẹn                     | Mắc cỡ                                  |
| Êm thắm                    | Êm ru bà rù                             |
| Hàng mã                    | Đổ dỏm                                  |
| Kiệt tường                 | Cát tường                               |
| Làm ăn                     | Mần ăn                                  |
| Làm bừa                    | Ầu                                      |
| Làm thuê                   | Làm mướn                                |
| Lề mề                      | Chậm lụt, lè phè                        |
| Lung tung                  | Tùm lum                                 |
| Khang                      | Khương (Phú, Quý, Thọ, Khương, Ninh)    |
| Khèo, chơi đũa             | Đá giò lái                              |
| Khuỷu tay                  | Cùi chõ                                 |
| Kim cương                  | Hột xoàn                                |
| Gạo nếp cẩm                | Gạo nếp than                            |
| Hen (bệnh)                 | Suyễn                                   |
| Hết chỗ ché                | Hết sẩy                                 |
| Hợp (Liên Hợp Quốc)        | Hiệp (Liên Hiệp Quốc)                   |
| Hoa                        | Bông                                    |
| Hoa nhài                   | Bông lái                                |
| Hoa đại (hoa hình chữ Đại) | Bông xứ                                 |
| Hổ                         | Cọp                                     |

|                               |   |
|-------------------------------|---|
| Hoàng Đế                      | Huỳnh Đế  |
| Hòm                           | Dương   |
| Hòm thư                       | Hộp thư   |
| Hụt hẫng                      | Chơi với (không chỗ bám víu, không nơi nương tựa) |
| Hống hách                     | Làm tàng, làm phách                               |
| Kênh kiệu                     | Làm phách   |
| Lang thang, vớ vẩn            | Lang bang   |
| Lạng (vàng)                   | Lượng (vàng)                                      |
| Láng bóng                     | Láng cóng   |
| Lòi dom (bệnh)                | Trĩ   |
| Lợn                           | Heo   |
| Lợn lòi                       | Heo rừng  |
| Lúi cúi                       | Lui cui   |
| Lười                          | Làm biếng   |
| Luộm thuộm, không đứng đắn    | Bê bối  |
| Ma mãnh                       | Ma lanh   |
| Màn                           | Mùng  |
| May rủi                       | Hên xui   |
| Mình ơi                       | Cưng ơi   |
| Một tấc lên trời, khoe khoang | Nổ, nổ sảng                                       |
| Mũ                            | Nón   |
| Mù                            | Đui   |
| Mũ ni che tai (thái độ)       | Trùm mền  |
| Mừng tuổi                     | Lì xì   |
| Nằm mê, nằm mơ                | Mớ  |
| Nén                           | Đèn cầy   |
| Ngã                           | Té  |

|                      |                        |
|----------------------|------------------------|
| Ngan                 | Vịt xiêm               |
| Ngày giỗ             | Ngày kỵ                |
| Nghe hơi nôi chõ     | Nghe lóm, đoán mò      |
| Nghĩa (Quảng Nghĩa)  | Quảng Ngãi             |
| Ngõ                  | Đường hẻm, hẻm         |
| Ngô                  | Bắp                    |
| Ngỗ ngáo             | Ngang tàng             |
| Ngọt lịm             | Ngọt như mía lùi       |
| Nhà tù               | Khám (đường)           |
| Nhại                 | Nhái (giọng)           |
| Nhậm (Ngô Thì Nhậm)  | Nhiệm (Ngô Thời Nhiệm) |
| Nhậm chức            | Nhiệm chức             |
| Nhân                 | Nhơn (Nhơn nghĩa)      |
| Nhanh nhẩu đoảng     | Lanh chanh             |
| Nhớ mãi              | Nhớ hoài               |
| Ninh như             | Hằm (Gà hầm thuốc bắc) |
| Nói láo              | Ba xạo, nói xạo        |
| Nói phét thành thần  | Dóc tổ                 |
| Nói phét, nói điêu   | Nói dóc, ba sạo        |
| Nói quá, khoe khoang | Nổ                     |
| Nững nịu             | Nhõng nhẽo             |
| Nước dùng            | Nước lèo               |
| Nuông chiều          | Cưng                   |
| Ông ba bị chín quai  | Ông kẹ                 |
| Phải lòng            | Thương, yêu ai         |
| Phanh                | Thắng (xe)             |
| Phúc                 | Phước                  |
| Quả                  | Trái                   |

|                      |                          |
|----------------------|--------------------------|
| Quả dưa              | Trái thơm                |
| Quả na               | Mãng cầu                 |
| Quần cụt, quần short | Quần đùi                 |
| Quần lĩnh            | Quần lãnh                |
| Quý                  | Quới (Quới nhân phụ trợ) |
| Rang (cơm rang)      | Chiên (cơm chiên)        |
| Rau húng             | Rau thơm                 |
| Rau mùi              | Rau ngò                  |
| Rau ngò om           | Rau ngổ                  |
| Rau cải cúc          | Rau tần ô                |
| Rét (thời tiết)      | Lạnh                     |
| Roi (quả)            | Mận                      |
| Rượu nếp             | Cơm rượu                 |
| Rượu trắng           | Rượu đế                  |
| Săm, lốp xe          | Vỏ ruột xe               |
| Sắn                  | Khoai mì                 |
| Say túy lúy, say mèm | Say xỉn                  |
| Sinh                 | Sanh (Sanh con quý tử)   |
| Sơn (núi)            | San (giang san)          |
| Súng cao-su          | Ná thung                 |
| Súp-lơ               | Bông cải                 |
| Sướng làm sao đâu    | Đã đời                   |
| Súly (nguyên súy)    | Soái (nguyên soái)       |
| Tách                 | Ly                       |
| Tháo dạ (bệnh)       | Tiêu chảy                |
| Thẹn                 | Mắc cỡ                   |
| Thì (Ngô Thì Nhậm)   | Thời (Ngô Thời Nhiệm)    |
| Thìa                 | Muỗng                    |



|                                  |                              |
|----------------------------------|------------------------------|
| Thịt ba rọi                      | Thịt ba chỉ                  |
| Thoái (Tiến thoái lưỡng nan)     | Thối (Tiến thối lưỡng nan)   |
| Thối                             | Thúi, thúi rùm               |
| Thông gia                        | Xui gia                      |
| Thủ lĩnh                         | Thủ lãnh                     |
| Thụ (cây)                        | Thọ                          |
| Thùng sắt tây                    | Thùng thiếc                  |
| Thuyền                           | Ghe                          |
| Thượng nguyên                    | Thượng ngươn                 |
| Tiến                             | Tấn (tấn công)               |
| Tính (họ) bá tính                | Tánh (bá tánh)               |
| Tối mò                           | Tối thui                     |
| Thủ lợn                          | Đầu heo                      |
| Thủ đoạn                         | Mánh mung                    |
| Tốt                              | Chốt (cờ tướng)              |
| Trái khoáy, ngược đời            | Các có                       |
| Trèo cao                         | Nghèo mà ham                 |
| Trúng vịt                        | Hột vịt                      |
| Tức như bò đá, tức lộn ruột      | Tức cành hông                |
| Tức chết đi được                 | Tức thấy mồ                  |
| Tùng (tùy tùng)                  | Tòng (tùy tòng)              |
| Vâng (Miền Bắc gọi dạ, bảo vâng) | Dạ (Miền Nam cái gì cũng dạ) |
| Vành xe                          | Niềng                        |
| Vào (trong, nhà)                 | Vô (trong, nhà)              |
| Vào tù, ở tù                     | Xộ khám                      |
| Vũ đài                           | Võ đài                       |
| Vũ khí                           | Võ khí                       |
| Vùng                             | Mè                           |

Xe ô-tô

Xe ngựa

Xì dầu

Xúi quẩy

Xưa lắm rồi

Xuống giốc không phanh

Xe hơi

Xe thổ mộ

Nước tương

Xui, xui tận mạng

Xưa như trái đất

Đời tàn trong ngõ hẹp

***Đào Văn Bình***